



Báo cáo Quỹ Liên Kết Đơn Vị

NĂM 2025

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ **SUN LIFE VIỆT NAM**

TP. HCM: Tầng 29, Tòa nhà Vietcombank Tower, số 05 Công trường Mê Linh, phường Sài Gòn

Hà Nội: Tầng 22 Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà

Đà Nẵng: Tòa nhà Nexus: Số 75-77-79, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Cẩm Lệ

1800 1786

www.sunlife.com.vn

Dichvu.Khachhang@sunlife.com

ref: ILPAR-202603



Mục lục

THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Trang 4

TÌNH HÌNH VĨ MÔ - TÀI CHÍNH 2025

Trang 6

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ PHÂN BỐ TÀI SẢN

Trang 14

**PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**

KẾT QUẢ ĐẦU TƯ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT
ĐƠN VỊ TRONG NĂM 2025

Trang 16

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA
CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Trang 22

TRIỂN VỌNG NĂM 2026

Trang 28

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ
QUỸ SSI (SSIAM)

Trang 32

GIỚI THIỆU CÁC GIẢI PHÁP TIÊU BIỂU
TỪ SUN LIFE VIỆT NAM

Trang 34



THÔNG DIỆP TỪ TỔNG GIÁM ĐỐC Sun Life Việt Nam

Kính gửi Quý Khách hàng,

Năm 2025 là một năm đầy thử thách đối với nền kinh tế toàn cầu, khi những điều chỉnh trong chính sách thuế quan tiếp tục tái định hình môi trường kinh doanh và tạo ra không ít biến động trên các thị trường. Tại Việt Nam, ngành Bảo hiểm cũng bước vào giai đoạn chuyển mình mang tính bản lề với việc triển khai các quy định mới của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, đặt ra yêu cầu cao hơn không chỉ về tuân thủ, mà còn về đổi mới trong thiết kế và phát triển sản phẩm nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi của Khách hàng.

Trong bối cảnh đó, Sun Life Việt Nam vẫn kiên định với định hướng phát triển bền vững, lấy Khách hàng làm trọng tâm và chủ động thích ứng với những thay đổi của thị trường. Chúng tôi tập trung nâng cao chất lượng giải pháp tài chính và dịch vụ, không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ và tích lũy tài chính, mà còn củng cố niềm tin và sự an tâm lâu dài cho Khách hàng trong mọi giai đoạn của cuộc sống.

Trong năm qua, Sun Life Việt Nam đã đạt được nhiều dấu mốc quan trọng:

Về sản phẩm:

- Chúng tôi tiếp tục là đơn vị dẫn đầu thị trường bảo hiểm hưu trí tự nguyện tại Việt Nam, với tổng tài sản quản lý của Quỹ Hưu trí Tự nguyện vượt hơn **4.483 tỷ VND**
- Trong năm 2025, Sun Life đã ra mắt **07 sản phẩm mới**, bao gồm các Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung **SUN – Vì Nhà Minh**, Bảo hiểm Liên kết chung **SUN – Khí Chất**, sản phẩm **SUN – Vững Hành Trình** đem lại những quyền lợi ưu việt và các giải pháp bảo hiểm sức khỏe và bảo vệ thể hệ mới như **Sống Chất 2.0**, **Sống An 2.0**, **Sống Vững**, **Sống Chắc**, cùng với các sản phẩm đã luôn được sự đón nhận của Khách hàng như **SUN – Trọn Vui**, **Tử kỳ** và **Hỗ trợ đóng phí**. Sun Life tiếp tục khẳng định cam kết bảo vệ toàn diện Khách hàng và Gia đình Việt, giúp Khách hàng chủ động xây dựng nền tảng tài chính vững vàng và an tâm trước mọi rủi ro trong cuộc sống.

Về trải nghiệm Khách hàng

- Chúng tôi không ngừng đổi mới quy trình và đẩy mạnh số hóa các dịch vụ, ví dụ như việc triển khai dịch vụ thanh toán tự động phí bảo hiểm định kỳ qua thẻ ngân hàng, cùng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Những cải tiến này giúp Khách hàng thanh toán dễ dàng, nhanh chóng, đồng thời mang lại trải nghiệm mượt mà hơn.
- Với cam kết bảo vệ và đồng hành cùng Khách hàng qua những thời điểm quan trọng, Sun Life đã **chi trả hơn 608 tỷ đồng quyền lợi bảo hiểm** cho Khách hàng, **tăng 26% so với năm 2024**, giúp Khách hàng thêm an tâm trước những rủi ro trong cuộc sống.

Về đóng góp cho cộng đồng và trách nhiệm xã hội

- Khi người dân liên tiếp chịu ảnh hưởng của bão, lũ, Sun Life đã sát cánh cùng cộng đồng với sự đóng góp hỗ trợ 2.2 tỷ đồng thông qua Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, thể hiện cam kết không lay chuyển của Sun Life tại thị trường Việt Nam.
- Năm 2025 cũng là năm thứ 3 chúng tôi hợp tác với Beyond Sport và Saigon Heat thực hiện các chương trình bóng rổ dành cho trẻ em, bởi vì sự an tâm của Khách hàng không chỉ dừng lại ở sự an toàn về tài chính mà còn là sức khỏe thể chất.

Cam kết đầu tư dài hạn vào thị trường Việt Nam:

- Tính đến cuối năm 2025, tổng tài sản của Sun Life Việt Nam đạt 19.358 tỷ đồng, với vốn điều lệ 18.434 tỷ đồng, nằm trong top 3 công ty bảo hiểm nhân thọ có quy mô vốn lớn nhất thị trường. Đáng chú ý, biên khả năng thanh toán đạt 196%, cao hơn vượt bậc so với mức yêu cầu tối thiểu, cho thấy nền tảng tài chính vững mạnh và khả năng đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ bảo hiểm đối với Khách hàng.
- Sun Life tiếp tục khẳng định **cam kết đầu tư dài hạn tại Việt Nam** thông qua việc không ngừng tăng vốn điều lệ qua các năm. Cụ thể, vào tháng 5/2025, Sun Life Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tăng vốn điều lệ từ **17.944 tỷ đồng lên 18.434 tỷ đồng**, duy trì vị trí **Top 3 công ty bảo hiểm nhân thọ có quy mô vốn điều lệ lớn nhất thị trường**, tính tới cuối năm 2025.
- Bước sang năm 2026, Sun Life Việt Nam cam kết tiếp tục mang đến nhiều hơn các giải pháp bảo hiểm **nhân thọ, sức khỏe, hưu trí, tích lũy và đầu tư**, nhằm đáp ứng ngày càng toàn diện nhu cầu bảo vệ và tích lũy tài chính của Khách hàng.

Cảm ơn quý Khách hàng đã cho phép chúng tôi được đồng hành trên hành trình hướng tới sự an toàn và thịnh vượng về tài chính. Thành công của quý khách là thành tựu lớn nhất của chúng tôi, và sự tin tưởng của quý Khách hàng là tài sản quý giá nhất của chúng tôi.

Xin kính chúc toàn thể quý Khách hàng sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng,

Lay Hoon Tan

Tổng Giám Đốc Sun Life Việt Nam

Tình hình Vĩ mô - tài chính năm 2025

KINH TẾ VĨ MÔ

Bức tranh vĩ mô Việt Nam năm 2025 ghi nhận sự phục hồi và tăng trưởng ấn tượng, với GDP cả năm đạt 8,02%, đánh dấu năm tăng tốc hoàn thành kế hoạch 5 năm 2021-2025. Tăng trưởng kinh tế vượt trội của Việt Nam là điểm sáng trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều biến động, đặc biệt là căng thẳng thương mại, chính sách thuế đối ứng của Mỹ. Đây là mức cao nhất trong khu vực ASEAN và thuộc nhóm tăng trưởng hàng đầu thế giới. Nền kinh tế tăng trưởng nhờ nội lực mạnh mẽ với nhu cầu tiêu dùng cải thiện mạnh, hoạt động đầu tư cả tư nhân và đầu tư công đều tăng trưởng tích cực. Dù gặp nhiều khó khăn bởi các chính sách thuế quan đối ứng của Mỹ, xuất khẩu năm 2025 vẫn đạt kỷ lục nhờ động lực từ nhóm doanh nghiệp FDI với các mặt hàng xuất khẩu giá trị cao không phải chịu các sắc thuế riêng lẻ khác khiến mức thuế tổng hợp thấp hơn.

Dịch vụ vẫn là nhóm đóng góp nhiều nhất vào giá trị tăng thêm của nền kinh tế, trên 51,1%. Theo Cục Thống kê, giá trị tăng thêm khu vực này đạt 8,62% so với năm trước. Trong khi đó, công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, góp 43,6% vào giá trị tăng thêm của nền kinh tế. Còn nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 5,3% vào tăng trưởng.

Tính chung cả năm 2025, chỉ số IIP đã tăng 9,23% nhờ nhiều ngành công nghiệp nặng như sản xuất phương tiện vận tải, sản xuất kim loại tăng trưởng mạnh so với mức nền thấp của năm 2024. Chúng tôi kỳ vọng sản xuất sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực trong những tháng tới nhờ khối lượng công việc vẫn dồi dào của các nhà sản xuất.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 đạt hơn 930 tỷ USD, tăng 18,2% so với cùng kỳ. Hoạt động xuất khẩu hàng hoá năm 2025 tăng 17% so với cùng kỳ nhờ sự dẫn dắt của nhóm hàng điện tử của các doanh nghiệp FDI trong khi nhóm doanh nghiệp nội có một năm kinh doanh kém với 8 tháng liên tiếp tăng trưởng âm. Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam bất chấp những rào cản thuế quan trong năm 2025. Những số liệu trên cho thấy tác động rõ ràng của thuế quan lên các doanh nghiệp nội trong khi nhóm FDI gần như không chịu ảnh hưởng. Về hoạt động nhập khẩu, kim ngạch nhập khẩu hàng hoá 2025 của Việt Nam tăng 19,4%, tương ứng giá trị nhập khẩu hơn 455 tỷ USD. Nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu và chủ yếu tăng nhập tư liệu sản xuất cho thấy triển vọng tích cực của hoạt động sản xuất nhất là trong giai đoạn Q4/2025 và những tháng đầu năm 2026 khi nhu cầu quốc tế bắt đầu phục hồi và các đơn hàng mới quay trở lại. Tính chung cả năm 2025, thặng dư thương mại của Việt Nam đạt hơn 20 tỷ USD, thấp hơn cùng kỳ gần 5 tỷ USD.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm 2025 chỉ tăng 3,31%, đảm bảo dưới mục tiêu của NHNN (dưới 4,5%). Nhóm lương thực và thực phẩm tăng giá trong những tháng cuối năm do tác động của thiên tai đã khiến lạm phát tổng thể tăng tốc. Ngược lại, giá xăng dầu ổn định góp phần giảm đà tăng của chỉ số. Nhìn chung cả năm 2025, giá cả những nhóm hàng hoá chiếm tỷ trọng lớn trong rổ CPI tăng chậm trong khi các chi phí cho dịch vụ công có xu hướng tăng nhanh hơn. Vì vậy, lạm phát lõi gần như bằng lạm phát tổng thể trong suốt cả năm, phản ánh tình trạng giá cả tăng mang tính chất lâu dài thay vì chỉ là sự biến động ngắn hạn, tác động tiêu cực tới sức mua thực tế của người tiêu dùng.

GDP của Việt Nam
năm 2025 đạt

8,02%

mức cao nhất trong khu vực
ASEAN và thuộc nhóm tăng
trưởng hàng đầu thế giới

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Trong năm 2025, Ngân Hàng Nhà Nước (NHNN) tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng, đồng thời ứng phó linh hoạt với diễn biến kinh tế thế giới và trong nước để thực thi các chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô. Mặt bằng lãi suất được duy trì ở mức thấp suốt cả năm 2025. Lãi suất thấp đã kích thích nhu cầu tín dụng của nền kinh tế với tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống Ngân hàng ước đạt 19% so với năm 2024. Tuy nhiên, huy động tiền gửi tăng trưởng chậm hơn tín dụng tương đối nhiều khiến cho chênh lệch huy động - cho vay nới rộng và các NHTM buộc phải tăng lãi suất huy động để thu hút thêm tiền gửi vào thời điểm cuối năm. Bên cạnh đó, NHNN cũng liên tiếp bơm thanh khoản cho hệ thống Ngân hàng thông qua kênh OMO để ổn định mặt bằng lãi suất. Chúng tôi cho rằng, áp lực tăng lãi suất trên thị trường 1 là rõ ràng và xu hướng này sẽ tiếp diễn trong năm 2026 nhưng tốc độ tăng không đáng ngại.

Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng năm 2025 bật tăng mạnh so với năm 2024. Trong năm 2025, căng thẳng thương mại quốc tế leo thang, và tâm lý đầu cơ USD tăng mạnh tại thị trường nội địa, gián tiếp tạo áp lực lên thị trường ngoại hối liên ngân hàng. Theo đó, NHNN đã tiến hành

bán ngoại tệ kỳ hạn có huỷ ngang 180 ngày với cùng mức giá 26.550 VND/USD ba lần trong năm 2025 nhằm kim hãm đà tăng mạnh của USD, đồng thời định hướng lãi suất liên ngân hàng lên mặt bằng cao hơn tại tháng 12 khi nâng mức lãi suất OMO từ 4% lên ngưỡng 4,5%. Ngoài ra, tại tháng cuối năm, NHNN đã sử dụng nghiệp vụ hoán đổi ngoại tệ với các tổ chức tín dụng kỳ hạn 14 ngày trong bối cảnh nhu cầu tín dụng cho các hoạt động sản xuất - kinh doanh phục hồi tích cực, kéo theo tăng trưởng tín dụng tăng tốc mạnh ở thời điểm cuối năm.

Tỷ giá hạ nhiệt nhanh chóng trong những tháng cuối năm chủ yếu nhờ Fed cắt giảm lãi suất, thu hẹp chênh lệch lãi suất giữa đồng VND và USD. Trên thị trường tự do, tỷ giá giảm đáng kể trong 2 tháng cuối năm, chênh lệch giữa giá mua và giá bán cũng thu hẹp cho thấy nhu cầu USD tự do giảm. Tính chung cả năm 2025, tỷ giá VND/USD tăng 3,2%. Ngân hàng Nhà nước đã có tổng cộng 3 lần can thiệp để ổn định tỷ giá bằng cách bán USD kỳ hạn 180 ngày, có huỷ ngang ở mức giá 26.550. Những động thái can thiệp của NHNN đã khiến cho tỷ giá USD/VND ở các NHTM giảm nhẹ hoặc tăng chậm lại sau mỗi lần can thiệp. Việc tỷ giá tăng liên tiếp trong 2 năm gần đây cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến dòng vốn ngoại từ các quỹ ETF rời khỏi thị trường chứng khoán Việt Nam. Chúng tôi kỳ vọng VND sẽ mất giá chậm hơn trong năm 2026 khi Fed tiếp tục lộ trình cắt giảm lãi suất.

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống
Ngân hàng 2025 ước đạt

19%

so với 2024

Tổng giá trị phát hành TPDN
trong năm 2025

644 nghìn
tỷ đồng

tăng 35% so với 2024



THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ (TPCP):

Tổng giá trị TPCP phát hành thông qua đấu thầu trong năm 2025 là gần 371.500 tỷ đồng, tương đương 74,3% kế hoạch cả năm (500.000 tỷ đồng). Trong năm 2025, bên cạnh kỳ hạn 10 năm với thanh khoản cao, Kho bạc Nhà nước (KBNN) cũng đẩy mạnh phát hành kỳ hạn ngắn hạn 5 năm. Theo đó, kỳ hạn trung bình giảm nhẹ xuống khoảng 9,79 năm, vẫn trong đảm bảo mục tiêu kỳ hạn trung bình của Chính phủ, và đáp ứng cung ứng nguồn vốn. Trong đó, Khối ngoại mua ròng 6.002 tỷ đồng trong năm 2025, diễn ra mạnh tại Quý 2 và tập trung tại kỳ hạn ngắn và vừa (5 – 15 năm). Tuy nhiên, khối lượng và quy mô giao dịch của nhà đầu tư ngoại khiêm tốn hơn rất nhiều so với các năm trước đó tại thị trường TPCP.

Trên thị trường thứ cấp, giá trị niêm yết TPCP tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 3.604.262 tỷ VND, tăng 18% so với năm 2024, trong đó giao dịch outright chiếm 71% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường, còn lại là giao dịch repos.

Xu hướng tăng đối với lợi suất trái phiếu chiếm ưu thế chủ đạo, cụ thể, lợi suất đã tăng khoảng 0,57-0,70% trong cả năm 2025. Tại thời điểm cuối năm 2025, lãi suất huy động trái phiếu các kỳ hạn 5 năm, 10 năm, và 30 năm lần lượt là 3,15%, 3,82% và 3,98%. Lợi suất thị trường thứ cấp tăng theo đà tăng của lợi suất thị trường sơ cấp. Trên thị trường thứ cấp, lợi suất của tất cả các kỳ hạn đều tăng, trong đó lợi suất của kỳ hạn 5 năm, 15 năm và 30 năm lần lượt được niêm yết ở mức 3,24%, 4,09% và 4,15%. Xu hướng tăng của lợi suất TPCP phản ánh áp lực lên tỷ giá hối đoái, kế hoạch phát hành trái phiếu hàng năm của KBNN và thanh khoản eo hẹp trên thị trường liên ngân hàng.

TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP (TPDN):

Năm 2025, thị trường TPDN ghi nhận sự phục hồi tích cực với tổng giá trị phát hành tăng 35% so với năm trước, đạt 644 nghìn tỷ đồng. Tổng dư nợ TPDN đã tăng 11% so với cuối năm 2025, đánh dấu sự đảo chiều tích cực. Mặc dù vậy tổng quy mô thị trường TPDN vẫn còn khá khiêm tốn, ở mức 11% GDP, thấp hơn đáng kể so với mục tiêu 20% GDP cho năm 2025 mà chính phủ đề ra, cho thấy dư địa phát triển vẫn còn rất lớn.

Theo hình thức phát hành, trái phiếu phát hành riêng lẻ tiếp tục chiếm ưu thế với 91% tổng giá trị phát hành. Đáng chú ý, mặc dù chỉ chiếm tỷ trọng khiêm tốn, phát hành ra công chúng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 52,4% so với cùng kỳ.

Ngân hàng và Bất động sản tiếp tục là hai trụ cột của thị trường TPDN, chiếm tới 78% tổng dư nợ lưu hành tại thời điểm cuối năm 2025. Trong đó, lĩnh vực ngân hàng dẫn đầu với dư nợ đạt 685,5 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 27,7% so với cùng kỳ, phản ánh nhu cầu bổ sung vốn để duy trì các tỷ lệ an toàn vốn và mở rộng hoạt động tín dụng. Đặc biệt, lĩnh vực bất động sản ghi nhận sự phục hồi đáng khích lệ với dư nợ đạt 395,1 nghìn tỷ đồng, tăng 4,2% so với cùng kỳ, đảo chiều sau 3 năm suy giảm liên tiếp trước đó do khủng hoảng thanh khoản.

Dư nợ TPDN lưu hành tiếp tục tập trung mạnh ở kỳ hạn ngắn và trung hạn, trong đó nhóm kỳ hạn 1 – 3 năm chiếm tỷ trọng áp đảo. Thanh khoản trên thị trường thứ cấp cũng được cải thiện đáng kể với giá trị giao dịch bình quân đạt 6,1 nghìn tỷ đồng mỗi ngày, tăng 28% so với năm 2024, góp phần gia tăng hiệu quả định giá và tính minh bạch của thị trường.

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Năm 2025 chứng kiến sự tăng trưởng ấn tượng của VN-Index, vượt đỉnh lịch sử với mức tăng 40,9% so với cuối năm 2024. Tuy nhiên, sự tăng trưởng này không đồng đều trên toàn thị trường, với chỉ 19% số cổ phiếu có hiệu suất vượt trội hơn chỉ số chung. Điều này phản ánh xu hướng dòng tiền tập trung vào một số nhóm cổ phiếu dẫn dắt thay vì lan tỏa rộng rãi.

Quy mô thị trường mở rộng đáng kể, thể hiện qua sự gia tăng vốn hóa và thanh khoản. Dòng tiền trong nước, đặc biệt là từ margin, đóng vai trò quan trọng trong việc cân bằng lực bán ròng kỷ lục của khối ngoại, đạt hơn 5 tỷ USD trong năm. Tuy nhiên, sự mở rộng này vẫn mang tính tập trung và chưa phản ánh sự cải thiện đồng đều trên toàn thị trường.

Khối ngoại tiếp tục là yếu tố gây áp lực lên thị trường với giá trị bán ròng đạt 135,3 nghìn tỷ đồng, vượt qua mức bán ròng của năm 2024. Xu hướng bán ròng kéo dài và duy trì ở mức cao, với các giai đoạn mua ròng chỉ xuất hiện mang tính chọn lọc và ngắn hạn. Tuy nhiên, đà bán ròng có dấu hiệu thu hẹp vào cuối năm sau các đợt cắt giảm lãi suất của FED.

VN-Index kết thúc năm 2025 với P/E ở mức 15,7 lần, cao hơn 16% so với trung bình 3 năm gần đây nhưng vẫn thấp hơn mức đỉnh 21,0 lần của năm 2021. Đáng chú ý, nếu loại bỏ ảnh hưởng của cổ phiếu VIC, P/E của VN-Index chỉ ở mức khoảng 13,5 lần. Điều này cho thấy đà tăng của chỉ số, nếu không tính đến VIC, chủ yếu đến từ sự tăng trưởng lợi nhuận hơn là từ việc nâng cao định giá.

VN-Index năm 2025
vượt đỉnh lịch sử với mức tăng

40,9%

so với cuối năm 2024

Chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản của các Quỹ liên kết đơn vị

Chiến lược đầu tư của các quỹ liên kết đơn vị là xây dựng danh mục tài sản với mục tiêu về lợi nhuận kỳ vọng khác nhau, phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro của từng nhà đầu tư:

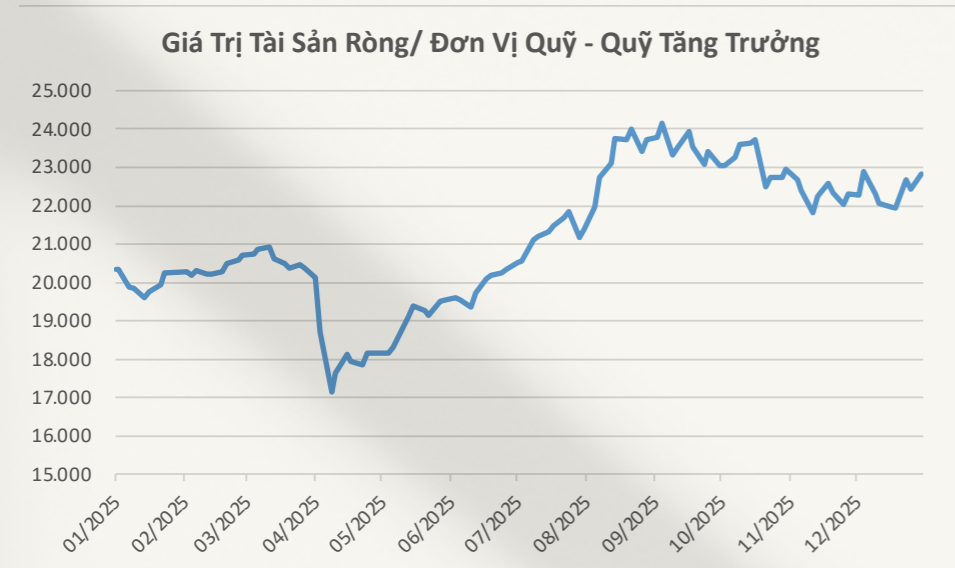
Tùy vào tình hình thị trường tài chính trong từng giai đoạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ phân bổ từng loại tài sản theo hạn mức đầu tư nêu trên để cân đối giữa lợi nhuận và rủi ro cho từng danh mục.

TÊN QUỸ	MỤC TIÊU	CHÍNH SÁCH VÀ RỦI RO ĐẦU TƯ	PHÂN BỐ TÀI SẢN
QUỸ TĂNG TRƯỞNG	Tối đa hóa tổng thu nhập từ các khoản đầu tư trung đến dài hạn	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng vốn cao Rủi ro đầu tư: cao	Chứng khoán chưa niêm yết và chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (tối thiểu 75%) Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (tối đa 25%)
QUỸ TỐI ƯU	Tối đa hóa tổng thu nhập từ các khoản đầu tư trung đến dài hạn	<ul style="list-style-type: none"> Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam thuộc các lĩnh vực nền tảng của nền kinh tế, đóng góp chủ đạo cho GDP trong dài hạn: Công nghiệp Vật liệu Công nghệ thông tin Hàng tiêu dùng Rủi ro đầu tư: cao	Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam thuộc các lĩnh vực công nghiệp, vật liệu, công nghệ thông tin và hàng tiêu dùng (tối thiểu 90%) Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (tối đa 10%)
QUỸ ĐẲNG CẤP	Tối đa hóa tổng thu nhập từ các khoản đầu tư trung đến dài hạn	Đầu tư vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam đối với các doanh nghiệp đã đạt giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài Rủi ro đầu tư: cao	Cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng tốt, đáp ứng 3 tiêu chí: + có giá trị vốn hóa tối thiểu 2.000 tỉ Đồng Việt Nam, + giá trị giao dịch trung bình hàng ngày tối thiểu 10 tỷ Đồng Việt Nam trong 3 tháng gần nhất, + tỷ lệ cổ phiếu nhà đầu tư nước ngoài còn có thể mua là thấp hơn 5% và giá trị không quá 500 tỷ Đồng Việt Nam. (tối thiểu 90%) Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (tối đa 10%)
QUỸ CÂN BẰNG	Tạo ra sự phối hợp cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn	Đầu tư vào các danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định, đồng thời đầu tư vào các tài sản có tiềm năng tăng trưởng vốn Rủi ro đầu tư: trung bình	Chứng khoán chưa niêm yết và các chứng khoán niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (35% - 65%) Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (35% - 65%)
QUỸ BỀN VỮNG	Tạo thu nhập ổn định song song với bảo toàn vốn trung và dài hạn	Đầu tư chủ yếu vào danh mục đầu tư bằng Đồng Việt Nam có thu nhập ổn định Rủi ro đầu tư: thấp	Công cụ đầu tư có thu nhập ổn định niêm yết hoặc chưa niêm yết (bao gồm trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ...) (100%)

Phân tích kết quả Đầu tư của Quỹ Liên kết Đơn vị năm 2025

QUỸ TĂNG TRƯỞNG

Quỹ Tăng Trưởng có sự thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên một Đơn vị quỹ ở mức tăng 12,0%, thấp hơn so với VN-Index (tăng 40,9%) trong năm 2025 do ảnh hưởng của một nhóm nhỏ các cổ phiếu vốn hóa lớn như Vingroup, Vietjet. Mức tăng này tốt hơn so với tiền gửi 12 tháng (trung bình 5 – 7% trong năm 2025) và trái phiếu chính phủ 30 năm (trung bình 3,6% trong năm 2025).



Quỹ tập trung vào xây dựng một danh mục cổ phiếu đa dạng với tiềm năng phát triển dài hạn. Với mục tiêu đó, Quỹ lựa chọn cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu các ngành có khả năng tăng trưởng dài hạn như vật liệu, bán lẻ, ngân hàng, công nghệ, dầu khí.

PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ TĂNG TRƯỞNG TẠI NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2025

Phân bố tài sản:

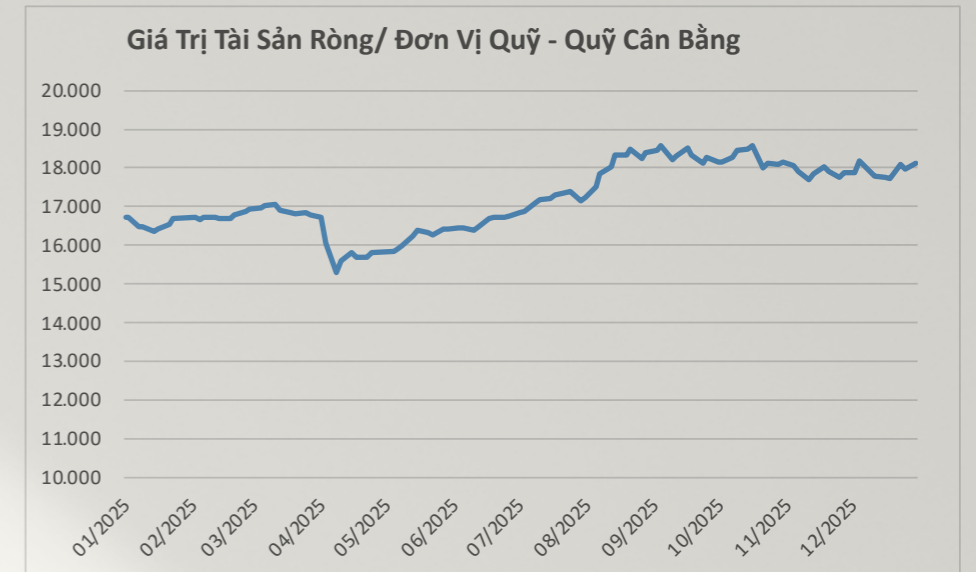
- Tiền mặt và tiền gửi: 4,3%
- Cổ phiếu: 94,8%
- Tài sản khác: 0,9%

Các khoản đầu tư lớn nhất:

STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	TỶ TRỌNG
1	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	6,91%
2	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	6,64%
3	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội	6,56%
4	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	6,33%
5	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5,78%
6	Cổ phiếu Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	4,69%
7	Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	4,63%
8	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố HCM	4,16%
9	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	4,11%
10	Cổ phiếu Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	3,93%

QUỸ CÂN BẰNG

Quỹ Cân Bằng có sự thay đổi trị tài sản ròng (NAV) trên một Đơn vị quỹ ở mức tăng 8,3% trong năm 2025. Trong cùng khoảng thời gian đó, VN-Index tăng 40,9%, tiền gửi 12 tháng đem lại lãi suất trung bình 5 – 7%, và trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 30 năm có lãi suất trung bình 3,6%.



PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ CÂN BẰNG TẠI NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2025

Phân bố tài sản:

- Tiền mặt và tiền gửi: 15,8%
- Trái phiếu doanh nghiệp: 32,1%
- Cổ phiếu: 51,6%
- Tài sản khác: 0,6%

Các khoản đầu tư lớn nhất:

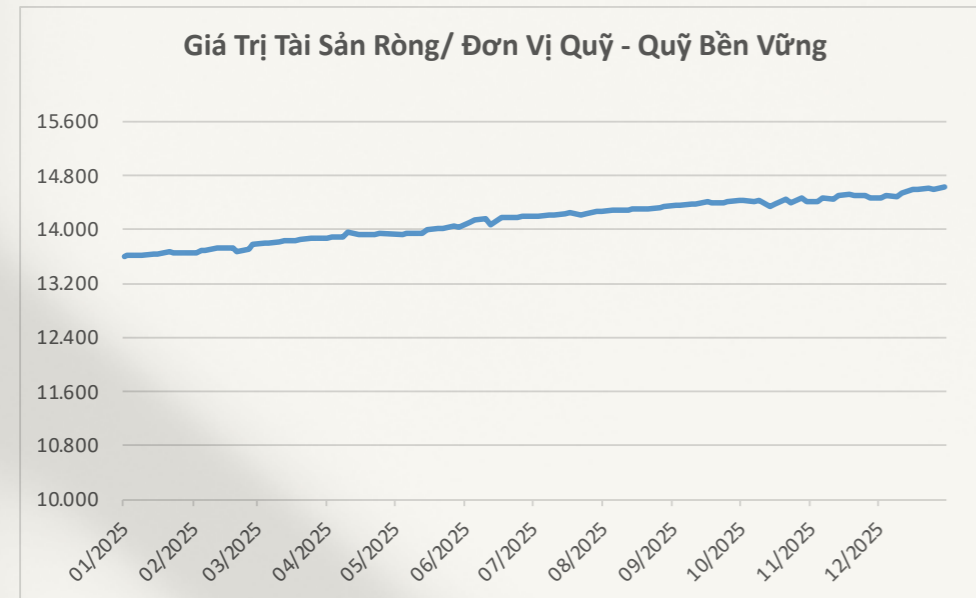
STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	TỶ TRỌNG
1	Trái phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital 2028	11,44%
2	Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup 2026	9,21%
3	Trái phiếu Công ty Phát triển Bất động sản Văn Phú 2027	5,76%
4	Trái phiếu Công ty Phát triển Bất động sản Văn Phú 2028	5,66%
5	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	4,11%
6	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	3,82%
7	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	3,72%
8	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	3,59%
9	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội	3,56%
10	Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	2,47%

Trong năm 2025, đối với danh mục cổ phiếu, Quỹ lựa chọn cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu các ngành có khả năng tăng trưởng lâu dài như bán lẻ, vật liệu, ngân hàng, công nghệ.

Đối với danh mục trái phiếu, Quỹ không ưu tiên trái phiếu chính phủ mà tập trung vào trái phiếu các doanh nghiệp tốt, dòng tiền ổn định, lợi tức tốt và mức độ rủi ro thấp hoặc vừa phải. Tiền gửi chỉ được sử dụng để dự trữ thanh khoản.

QUỸ BỀN VỮNG

Quỹ Bền Vững đạt mức tăng giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị quỹ ở mức 7,7%, cao hơn so với lãi suất trung bình của trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 30 năm (3,6%) và tiền gửi 12 tháng với lãi suất trung bình 5 – 7% trong cùng giai đoạn đầu tư năm 2025.



PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ BỀN VỮNG TẠI NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2025

Phân bố tài sản:

- Tiền mặt và tiền gửi: 9,2%
- Trái phiếu doanh nghiệp: 89,0%
- Tài sản khác: 1,8%

Các khoản đầu tư lớn nhất:

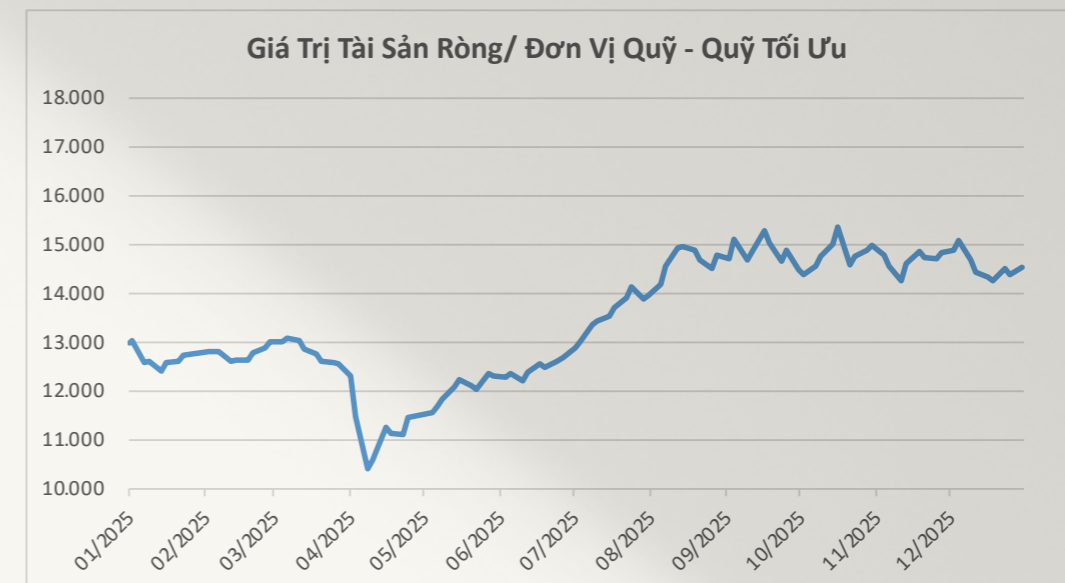
STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	TỶ TRỌNG
1	Trái phiếu Ngân hàng TMCP Nam Á 2032	17,57%
2	Trái phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố HCM 2031	15,61%
3	Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup 2026	13,90%
4	Trái phiếu Công ty Phát triển Bất động sản Văn Phú 2027	13,67%
5	Trái phiếu Công ty Cổ phần Transimex 2026	10,2%
6	Trái phiếu Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital 2028	9,21%
7	Trái phiếu Công ty Phát triển Bất động sản Văn Phú 2028	4,63%
8	Trái phiếu Công ty cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital 2027	4,63%

Trong năm 2025, Quỹ không ưu tiên trái phiếu chính phủ mà tập trung vào trái phiếu các doanh nghiệp đầu ngành, dòng tiền ổn định, lợi tức tốt và mức độ rủi ro thấp hoặc vừa phải. Ngoài ra, Quỹ duy trì một lượng tiền mặt và tiền gửi thấp cho thanh khoản cũng như các cơ hội giải ngân tiếp theo.



QUỸ TỐI ƯU

Quỹ Tối Ưu có sự thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên một Đơn vị quỹ ở mức tăng 11,9%, thấp hơn so với VN-Index (tăng 40,9%) trong năm 2025 do ảnh hưởng của một nhóm nhỏ các cổ phiếu vốn hóa lớn như Vingroup, Vietjet. Mức tăng này tốt hơn so với tiền gửi 12 tháng (trung bình 5 – 7% trong năm 2025) và trái phiếu chính phủ 30 năm (trung bình 3,6% trong năm 2025).



PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ TỐI ƯU TẠI NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2025

Phân bố tài sản:

- Tiền mặt và tiền gửi: 0,6%
- Cổ phiếu: 99,2%
- Tài sản khác: 0,2%

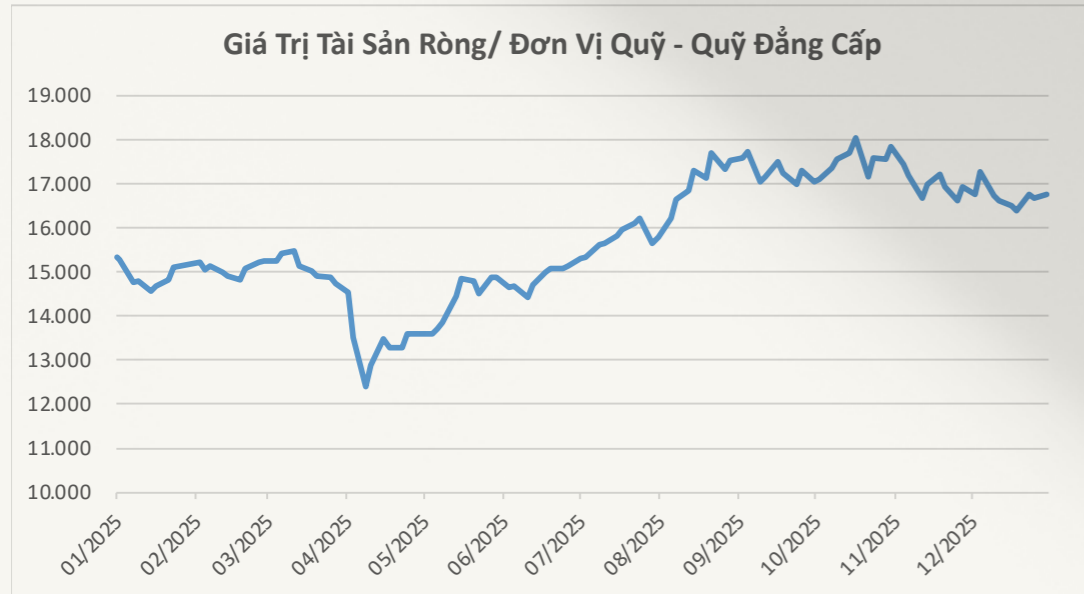
Các khoản đầu tư lớn nhất:

STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	TỶ TRỌNG
1	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	11,40%
2	Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT	9,84%
3	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	9,30%
4	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	8,48%
5	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	7,63%
6	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	7,09%
7	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	4,00%
8	Cổ phiếu Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	3,97%
9	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Gemadept	3,09%
10	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	2,00%

Quỹ tập trung vào xây dựng một danh mục cổ phiếu đa dạng thuộc 4 lĩnh vực đóng góp chủ đạo vào GDP trong dài hạn. Với mục tiêu đó, Quỹ lựa chọn cổ phiếu niêm yết của các doanh nghiệp hàng đầu trong các ngành Công nghiệp, Vật liệu, Công nghệ và Hàng tiêu dùng thỏa mãn một số tiêu chí về vốn hóa, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày và lợi nhuận trong năm gần nhất. Danh mục của quỹ được tái cơ cấu hàng quý để đảm bảo việc phân bổ tài sản thỏa mãn các tiêu chí đầu tư đã được đề ra ban đầu. Bên cạnh đó, quỹ duy trì một lượng tiền mặt và tiền gửi thấp cho nhu cầu thanh khoản.

QUỸ ĐẲNG CẤP

Quỹ Đẳng Cấp có sự thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên một Đơn vị quỹ ở mức tăng 9,3%, thấp hơn so với VN-Index (tăng 40,9%) trong năm 2025 do ảnh hưởng của một nhóm nhỏ các cổ phiếu vốn hóa lớn như Vingroup, Vietjet. Mức tăng này tốt hơn so với tiền gửi 12 tháng (trung bình 5 – 7% trong năm 2025) và trái phiếu chính phủ 30 năm (trung bình 3,6% trong năm 2025).



PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ DANH MỤC CỦA QUỸ ĐẲNG CẤP TẠI NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2025

Phân bổ tài sản:

- Tiền mặt và tiền gửi: 0,5%
- Cổ phiếu: 99,5%
- Tài sản khác: 0,0%

Các khoản đầu tư lớn nhất:

STT	KHOẢN ĐẦU TƯ	
1	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	16,58%
2	Cổ phiếu Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	15,99%
3	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	11,07%
4	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	10,90%
5	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ thương	7,77%
6	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Lộc Phát	6,94%
7	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	6,14%
8	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội	5,86%
9	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố HCM	5,52%
10	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	4,51%

Quỹ tập trung vào xây dựng một danh mục cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng tốt thỏa mãn các tiêu chí về giá trị vốn hóa, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày và cơ bản đã đạt giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. Danh mục của quỹ được tái cơ cấu hàng quý để đảm bảo việc phân bổ tài sản thỏa mãn các tiêu chí đầu tư đã được đề ra ban đầu. Bên cạnh đó, quỹ duy trì một lượng tiền mặt và tiền gửi thấp cho nhu cầu thanh khoản.

Báo cáo tình hình hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị

Phí bảo hiểm và tình hình thay đổi đơn vị quỹ liên kết đơn vị trong năm 2025

(Đơn vị tính: VND)

A. Tổng số phí bảo hiểm nộp trong năm:	211.036.691.219
Phí cơ bản	188.728.881.097
Phí đóng thêm	22.307.810.122
B. Chênh lệch giữa phí bảo hiểm đã thu chờ phân bổ tại ngày cuối năm	(3.781.980.200)
Phí bảo hiểm đã thu nhưng chưa phân bổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	917.459.774
Phí bảo hiểm đã thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và phân bổ trong năm 2025	(4.699.439.974)
C. Phần đóng góp tương ứng của Quý chủ sở hữu vào các Quỹ liên kết đơn vị	-
D. Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các quỹ liên kết đơn vị	16.608.323.111
Năm thứ nhất	1.906.200.767
Năm thứ hai	2.593.310.390
Năm thứ ba	3.175.853.894
Năm thứ tư	3.826.492.817
Năm thứ năm	5.106.465.243
E. Tổng số phí đầu tư vào các quỹ liên kết đơn vị: (A-B-D)	198.210.348.308

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ TRONG NĂM

TÊN QUỸ	SỐ DƯ ĐẦU NĂM			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua
Quỹ Tăng Trưởng	538.889.110.824	26.438.271	20.383	20.383
Quỹ Cân Bằng	74.821.236.557	4.470.804	16.736	16.736
Quỹ Bền Vững	96.722.000.990	7.118.714	13.587	13.587
Quỹ Tối Ưu	79.151.722.896	6.043.739	13.096	13.096
Quỹ Đăng Cấp	92.477.346.349	6.045.956	15.296	15.296
	882.061.417.616	50.117.484	(**)	

(Đơn vị tính: VND)

TÊN QUỸ	SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua
Quỹ Tăng Trưởng	178.692.066.899	5.010.819	(*)	(*)
Quỹ Cân Bằng	12.151.241.514	327.685	(*)	(*)
Quỹ Bền Vững	11.275.624.493	263.326	(*)	(*)
Quỹ Tối Ưu	8.867.699.904	8.381	(*)	(*)
Quỹ Đăng Cấp	9.144.512.554	18.564	(*)	(*)
	220.131.145.364	5.628.774		

TÊN QUỸ	SỐ DƯ CUỐI NĂM			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá bán	Giá mua
Quỹ Tăng Trưởng	717.581.177.723	31.449.090	22.817	22.817
Quỹ Cân Bằng	86.972.478.071	4.798.489	18.125	18.125
Quỹ Bền Vững	107.997.625.483	7.382.040	14.630	14.630
Quỹ Tối Ưu	88.019.422.800	6.052.120	14.544	14.544
Quỹ Đăng Cấp	101.621.858.903	6.064.519	16.757	16.757
	1.102.192.562.980	55.746.258	(**)	

(*) Không áp dụng.

(**) Số đơn vị quỹ tại ngày cuối năm bao gồm 21.420.000 đơn vị quỹ từ quỹ mỗi thuộc sở hữu của chủ sở hữu và phần còn lại 34.326.258 đơn vị quỹ thuộc sở hữu của chủ hợp đồng bảo hiểm (tại ngày đầu năm: 21.420.000 đơn vị quỹ từ quỹ mỗi thuộc sở hữu của chủ sở hữu và phần còn lại 28.697.484 đơn vị quỹ thuộc sở hữu của chủ hợp đồng bảo hiểm).

TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	QUỸ TĂNG TRƯỞNG	QUỸ CÂN BẰNG	QUỸ BỀN VỮNG	QUỸ TỐI ƯU	QUỸ ĐẲNG CẤP	TỔNG CỘNG
Tiền	35.316.725.116	3.872.936.462	1.479.124.949	593.096.795	663.411.263	41.925.294.585
Danh mục các khoản đầu tư	678.195.243.421	82.564.187.906	104.496.393.848	87.495.910.716	101.143.621.195	1.053.895.357.086
Tiền gửi có kỳ hạn	-	9.900.000.000	8.500.000.000	-	-	18.400.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp	-	27.850.003.050	95.996.393.848	-	-	123.846.396.898
Cổ phiếu	678.195.243.421	44.814.184.856	-	87.495.910.716	101.143.621.195	911.648.960.188
Tài sản khác	4.069.209.186	544.804.281	2.022.106.686	92.500.000	-	6.728.620.153
Tổng tài sản	717.581.177.723	86.981.928.649	107.997.625.483	88.181.507.511	101.807.032.458	1.102.549.271.824
Tổng nợ phải trả	-	9.450.578	-	162.084.711	185.173.555	356.708.844
Giá trị tài sản ròng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025	717.581.177.723	86.972.478.071	107.997.625.483	88.019.422.800	101.621.858.903	1.102.192.562.980
Giá trị tài sản ròng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	538.889.110.824	74.821.236.557	96.722.000.990	79.151.722.896	92.477.346.349	882.061.417.616

THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

(*) Phí hoạt động đầu tư áp dụng trên cơ sở tổng tài sản của Quỹ

TÀI SẢN	QUỸ TĂNG TRƯỞNG	QUỸ CÂN BẰNG	QUỸ BỀN VỮNG	QUỸ TỐI ƯU	QUỸ ĐẲNG CẤP	TỔNG CỘNG
Thu nhập						
Phí bảo hiểm đầu tư vào các quỹ	183.345.871.324	8.063.163.600	5.600.507.179	491.066.106	709.740.099	198.210.348.308
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	89.935.740.381	8.224.797.575	9.200.062.690	10.519.622.698	10.995.988.821	128.876.212.165
<i>Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi</i>	-	339.232.879	976.662.189	-	-	1.315.895.068
<i>Trái phiếu doanh nghiệp</i>	-	2.495.403.927	8.223.400.501	-	-	10.718.804.428
<i>Cổ phiếu</i>	89.935.740.381	5.390.160.769	-	10.519.622.698	10.995.988.821	116.841.512.669
Thu nhập khác	1.464.069.915	80.362.080	74.586.630	6.688.273	11.969.644	1.637.676.542
Tổng thu nhập	274.745.681.620	16.368.323.255	14.875.156.499	11.017.377.077	11.717.698.564	328.724.237.015
Chi phí						
Phí bảo hiểm rủi ro	24.681.488.519	1.092.630.878	814.464.866	173.137.304	205.288.699	26.967.010.266
Phí quản lý hợp đồng	4.529.971.066	230.664.485	166.718.487	31.753.763	43.965.433	5.003.073.234
Phí chuyển đổi quỹ	1.000.000	-	1.000.000	-	-	2.000.000
Phí huỷ bỏ hợp đồng	50.965.002.780	1.203.190.156	1.016.346.507	198.141.577	202.585.219	53.585.266.239
Phí hoạt động đầu tư	15.876.152.356	1.690.596.222	1.601.002.146	1.746.644.529	2.121.346.659	23.035.741.912
Tổng chi phí	96.053.614.721	4.217.081.741	3.599.532.006	2.149.677.173	2.573.186.010	108.593.091.651
Chênh lệch giữa thu nhập và chi phí	178.692.066.899	12.151.241.514	11.275.624.493	8.867.699.904	9.144.512.554	220.131.145.364
Thu nhập chưa phân chia chuyển từ năm trước sang						
Thu nhập phân chia	178.692.066.899	12.151.241.514	11.275.624.493	8.867.699.904	9.144.512.554	220.131.145.364
<i>Cho chủ hợp đồng</i>	178.692.066.899	7.402.985.320	5.019.543.592	185.221.346	378.210.411	191.678.027.568
<i>Cho chủ sở hữu (về thu nhập của quỹ mỗi)</i>	-	4.748.256.194	6.256.080.901	8.682.478.558	8.766.302.143	28.453.117.796
Thu nhập chưa phân chia chuyển sang năm sau	-	-	-	-	-	-

Triển vọng năm 2026

Việt Nam đặt mục tiêu năm 2026 đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế hai con số, đi cùng ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát và duy trì cân bằng kinh tế lớn.

1 Triển vọng thị trường

KINH TẾ VĨ MÔ

Triển vọng kinh tế năm 2026 được dự báo sẽ trở nên phức tạp hơn do quá trình phục hồi và tăng trưởng thương mại toàn cầu không đồng đều. Dự báo tốc độ tăng trưởng sẽ chững lại vì nền kinh tế bước vào giai đoạn cuối của chu kỳ, trong khi hoạt động thương mại cũng như đầu tư tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ căng thẳng thương mại và việc tái cơ cấu chuỗi cung ứng trên phạm vi quốc tế. Nhìn chung, các ngân hàng trung ương lớn vẫn thiên về chính sách nới lỏng tiền tệ, song tiến hành một cách cẩn trọng, nhằm đưa lãi suất về mức trung tính, vừa hỗ trợ tăng trưởng vừa kiểm soát lạm phát.

Việt Nam đặt mục tiêu năm 2026 đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế hai con số, đi cùng ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát và duy trì cân bằng kinh tế lớn. Dù phải đối mặt với nguy cơ suy giảm thương mại thế giới, Việt Nam vẫn được đánh giá cao về năng lực chống chịu nhờ xuất khẩu tập trung vào những lĩnh vực phù hợp xu hướng, nổi bật là ngành điện tử hưởng lợi từ AI và mở rộng thị phần tại Mỹ. Đầu tư vào hạ tầng tiếp tục được thúc đẩy với nhiều dự án trọng điểm đẩy nhanh tiến độ, góp phần tích cực cho tăng trưởng nội địa.

Năm 2026 còn là dấu mốc chuyển tiếp quan trọng trong kế hoạch phát triển giai đoạn 2026 – 2030, xác lập các mục tiêu và định hướng mới cho kinh tế – xã hội; điều này mang lại ý nghĩa lớn cho triển vọng trung hạn. Các chính sách nhất quán nhằm đẩy mạnh tăng trưởng giúp củng cố nền kinh tế, bao gồm cải cách thể chế sâu rộng, mở rộng dư địa tài khóa và duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng. Cơ sở pháp lý tiếp tục hoàn thiện, đầu tư công tăng tốc trong khi nợ công vẫn ở mức an toàn, tạo nền tảng thuận lợi cho các biện pháp kích thích nếu cần thiết.

Bên cạnh đó, khu vực nhà nước ngày càng đóng vai trò chủ đạo thông qua các chính sách mới, còn khu vực tư nhân được kỳ vọng phát huy tiềm năng nhờ môi trường đầu tư cải thiện và tiếp cận nguồn lực thuận lợi. Tiêu dùng trong nước dự kiến phục hồi tốt nhờ sản xuất, việc làm và thu nhập đều có dấu hiệu khởi sắc.

Về mặt đối ngoại, Việt Nam tiếp tục phát huy thế mạnh xuất khẩu nhờ cấu trúc sản xuất hiệu quả, liên kết chuỗi cung ứng sâu rộng và thu hút mạnh dòng vốn FDI, từ đó giảm tác động tiêu cực của thương mại toàn cầu và xung đột

địa chính trị. Những yếu tố này tạo ra nền tảng bền vững cho một triển vọng kinh tế lạc quan năm 2026, đồng thời mở ra cơ hội nhờ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu và xu hướng giảm lãi suất.

Chính sách tiền tệ của NHNN tiếp tục ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bằng cách nâng cao khả năng tiếp cận vốn vay, đồng thời vẫn đảm bảo chất lượng tín dụng.

Áp lực lạm phát dự báo có thể tăng trong năm 2026 nhưng vẫn trong tầm kiểm soát nhờ: (1) thu nhập cải thiện thúc đẩy tiêu dùng; (2) giá dịch vụ y tế, giáo dục, điện được điều chỉnh từng bước để ngăn lạm phát kỳ vọng; (3) giá thực phẩm chỉ tăng nhẹ nhờ nguồn cung ổn định. Giá vật liệu xây dựng có thể tăng do giải ngân đầu tư công mạnh và biến động giá năng lượng.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

NHNN sẽ điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, thiên về hỗ trợ tăng trưởng, đồng thời đảm bảo thanh khoản dồi dào cho hệ thống ngân hàng. Chính sách tiền tệ nhiều khả năng sẽ được điều hành chủ động, linh hoạt và phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác, vừa hỗ trợ tăng trưởng, vừa giữ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2026 dự kiến đạt khoảng 15%, đồng thời linh hoạt điều chỉnh theo diễn biến thực tế nhằm bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng, kiểm soát lạm phát và giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.

Mặt bằng lãi suất được kỳ vọng sẽ tăng theo đà phát triển kinh tế. Lãi suất huy động có thể tăng khoảng 0,5 – 1% do áp lực thanh khoản và tăng cường huy động vốn nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng. Đây là xu hướng tăng từ mặt bằng nền thấp của lãi suất huy động. Áp lực tăng có thể xuất hiện nhiều vào nửa cuối năm. Lãi suất cho vay sẽ đi ngang hoặc nếu có sẽ chỉ tăng nhẹ trong bối cảnh Chính phủ ưu tiên duy trì mặt bằng lãi suất thấp và thực hiện các biện pháp hỗ trợ lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các động lực tăng trưởng của nền kinh tế theo chủ trương của Chính phủ.

Áp lực tỷ giá sẽ không biến động đột biến như giai đoạn 2024 – 2025, tuy nhiên chúng tôi cho rằng thách thức vẫn sẽ tiếp diễn sang năm 2026 khi kênh cán cân vãng lai, đặc biệt là cán cân thương mại hàng hóa, vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Trên cơ sở đó, tỷ giá USD/VND được dự báo có thể tăng khoảng 3 – 5% cho cả năm 2026.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Thị trường trái phiếu chính phủ

Thị trường TPCP năm 2026 bước vào giai đoạn tăng tốc về khối lượng phát hành để đáp ứng nhu cầu vốn cho kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030. Việc triển khai đồng loạt các siêu dự án hạ tầng chiến lược — tiêu biểu với những dự án lớn như Đường sắt tốc độ cao Bắc Nam, Sân bay Long Thành giai đoạn 2 và hàng loạt các dự án khác đòi hỏi một nguồn tài chính quy mô lớn và ổn định. Điều này giúp cho thị trường TPCP bước vào một giai đoạn phát hành sôi động hơn, đồng thời phải đối mặt với áp lực duy trì thanh khoản và duy trì mức lợi suất hấp dẫn trước khối lượng phát hành dự kiến vẫn ở ngưỡng lớn.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Thị trường TPDN được kỳ vọng sẽ tiếp tục đà mở rộng trong năm 2026 nhờ nhu cầu mở rộng đầu tư và tái cơ cấu nợ với nhóm ngành tiếp tục tập trung chủ yếu ở Ngân hàng và Bất động sản. Đồng thời, nhóm Hạ tầng và Năng lượng được kỳ vọng quay trở lại thị trường. Đối với Ngân hàng, các tổ chức tín dụng dự kiến tiếp tục đẩy mạnh phát hành TPDN nhằm bổ sung vốn trung và dài hạn, đáp ứng các chỉ tiêu an toàn vốn và nhu cầu tăng trưởng tín dụng, trong bối cảnh lãi suất huy động có xu hướng tăng và tỷ lệ Cho vay / Huy động cuối năm 2025 ở mức đỉnh. Với bất động sản, nhu cầu huy động vốn qua kênh TPDN trong năm 2026 được dự báo duy trì ở mức cao trong bối cảnh nguồn vốn tín dụng ngân hàng cho Bất động sản bị thu hẹp và áp lực đáo hạn hiện hữu (với khoảng 123,7 nghìn tỷ đồng trái phiếu đến hạn trong năm 2026). Đối với Hạ tầng và Năng lượng, nhu cầu vốn được kỳ vọng tăng lên theo định hướng ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng chiến lược, tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Lãi suất dự kiến sẽ nhích lên khoảng 0,5 đến 1% so với bình quân năm 2025 do nhu cầu đầu tư ở cả khối nhà nước và tư nhân cùng với áp lực đáo hạn cao hơn trong năm 2026.

Rủi ro vỡ nợ cần tiếp tục được theo dõi chặt chẽ, đặc biệt đối với các doanh nghiệp bất động sản và công ty có đòn bẩy tài chính cao khi một lượng lớn trái phiếu sẽ đáo hạn vào năm 2026. Bên cạnh đó, thị trường cũng sẽ tiếp tục bị tác động từ việc triển khai các cải cách pháp lý liên quan đến hoạt động phát hành, giao dịch và kiểm soát rủi ro trên thị trường trái phiếu.

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Năm 2026 dự kiến sẽ là một năm tích cực đối với thị trường cổ phiếu Việt Nam. Các yếu tố hỗ trợ bao gồm triển vọng kinh tế tích cực, sự phục hồi của thu nhập doanh nghiệp và tăng trưởng đầu tư công. Đáng chú ý, Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội nâng hạng quan trọng, bao gồm khả năng được FTSE nâng hạng và MSCI xem xét nâng hạng, tiềm năng tăng mức xếp hạng tín nhiệm quốc gia. Những yếu tố này, cùng với các cải cách thị trường vốn đang diễn ra, có thể thu hút đáng kể dòng vốn ngoại từ năm 2026 trở đi.

Về định giá, VN-Index đang giao dịch ở mức P/E dự phóng năm 2026 là 11,7 lần, tương đương mức trung bình 5 năm. Tuy nhiên, khi loại trừ các cổ phiếu ngoại lệ, đặc biệt là nhóm Vingroup, thị trường đang được định giá thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 5 năm, cho thấy tiềm năng tăng trưởng của các cổ phiếu nền tảng.

Mặc dù vậy, rủi ro chính trong năm 2026 đến từ khả năng tăng lãi suất, dự kiến từ 0,5 đến 1%. Trong bối cảnh này, chiến lược đầu tư nên tập trung vào các cổ phiếu có tăng trưởng lợi nhuận rõ ràng, ROE cải thiện, nền tảng tài chính vững mạnh và định giá hấp dẫn. Các doanh nghiệp nhà nước đầu ngành, với dòng tiền mạnh và hiệu quả hoạt động tốt, cũng là lựa chọn đáng cân nhắc, đặc biệt khi được hưởng lợi từ các chính sách thúc đẩy kinh tế nhà nước.

SSIAM | Công Ty Quản Lý Quỹ Hàng Đầu Việt Nam

Thành viên của SSI Securities, CTCP Chứng khoán lâu đời và giàu kinh nghiệm nội địa nhất thị trường Việt Nam



Số liệu tính đến tháng 02/2026

27.422 TỶ VND
TỔNG TÀI SẢN QUẢN LÝ

50
NHÂN SỰ

18
NĂM LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

14
QUỸ ĐANG HOẠT ĐỘNG

ASIA ASSET MANAGEMENT



"Quỹ đầu tư tốt nhất Việt Nam" năm 2012, 2013, 2016
"CEO của năm" năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2020, 2022
"CIO của năm" năm 2013, 2014, 2015
"Ra mắt quỹ của năm" năm 2020

THE ASSET



"Công ty quản lý quỹ của năm - Việt Nam" năm 2012, 2014, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025
"Công ty quản lý quỹ của năm (Onshore)" năm 2015, 2016, 2017, 2018
"Nhà cung cấp ETF của năm" năm 2021

THE ASIANINVESTOR



"Quỹ đầu tư trong nước tốt nhất Việt Nam" năm 2010
"Công ty quản lý quỹ tốt nhất Việt Nam" năm 2015, 2016, 2017, 2018
"Phát triển kinh doanh tốt nhất" năm 2022
"Giải thưởng Thị trường Quản lý Tài sản - Việt Nam" năm 2024

ALPHA SOUTHEAST ASIA



"Nhà quản lý tài sản và quỹ tốt nhất" năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025
"Nhà quản lý quỹ tốt nhất về bảo hiểm, nhiệm vụ ILP và chương trình hưu trí tư nhân" vào năm 2020, 2021, 2023, 2024, 2025
"Nhà quản lý tài sản tốt nhất (Quỹ cân bằng)" năm 2021
"Nền tảng trực tuyến và di động tốt nhất (Asset Manager)" năm 2024, 2025

GIỚI THIỆU CÁC
GIẢI PHÁP TIÊU BIỂU TỪ

Sun Life



SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

SUN – Vì Nhà Mình

Đồng hành bảo vệ, tích lũy hiệu quả
cho tương lai vững vàng



BẢO VỆ VỮNG CHẮC

Bảo vệ người trụ cột tới 100 tuổi trước rủi ro tử vong và tới 75 tuổi trước rủi ro Thương tật toàn bộ vĩnh viễn.

Tự động gia tăng bảo vệ tối đa 250 triệu/lần mà không cần thẩm định sức khỏe, không tăng Phí bảo hiểm cơ bản.



TÍCH LŨY HIỆU QUẢ

Tận hưởng lãi suất đảm bảo; và các khoản thưởng vượt trội khi duy trì đóng phí đúng kế hoạch.



LÁ CHẮN ĐA THỂ HỆ

Mở rộng bảo vệ cho các thành viên trong gia đình khi mua kèm các sản phẩm bảo hiểm khác.

Quét mã để tham khảo
thông tin sản phẩm



SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

SUN - Khí Chất

Giải pháp tài chính ưu việt
Nâng tầm bảo vệ, thăng hoa đầu tư



CHU TOÀN BẢO VỆ

An tâm trước các rủi ro nghiêm trọng:
tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, tai nạn



NÂNG TẦM ĐẦU TƯ

Tăng trưởng tài sản hiệu quả với thời gian
đóng phí ngắn



LAN TOẢ GIÁ TRỊ

Gia tăng bảo vệ những người thân yêu hoặc
đóng góp cho cộng đồng



DẪN DẮT CƠ HỘI

Chủ động lựa chọn, điều chỉnh kế hoạch
tích lũy và bảo vệ theo nhu cầu

Quét mã để tham khảo
thông tin sản phẩm



Các giải pháp bổ sung bảo vệ

Gia tăng bảo vệ đa tầng toàn diện cho bản thân
và cả gia đình

Bảo hiểm – Sống Chất 2.0

Giải pháp chăm sóc sức khỏe đột phá cho cả gia đình

Bảo hiểm – Sống Vững

Bảo vệ tài chính trước rủi ro bệnh hiểm nghèo mọi giai đoạn

Bảo hiểm – Sống Chắc

Bảo vệ Hợp đồng bảo hiểm trước rủi ro bệnh hiểm nghèo

Bảo hiểm - Sống An 2.0

Bảo vệ tài chính toàn diện trước các rủi ro tai nạn

Bảo hiểm bán kèm - Tử kỳ

Bảo vệ tài chính trước rủi ro tử vong hoặc thương tật
toàn bộ vĩnh viễn

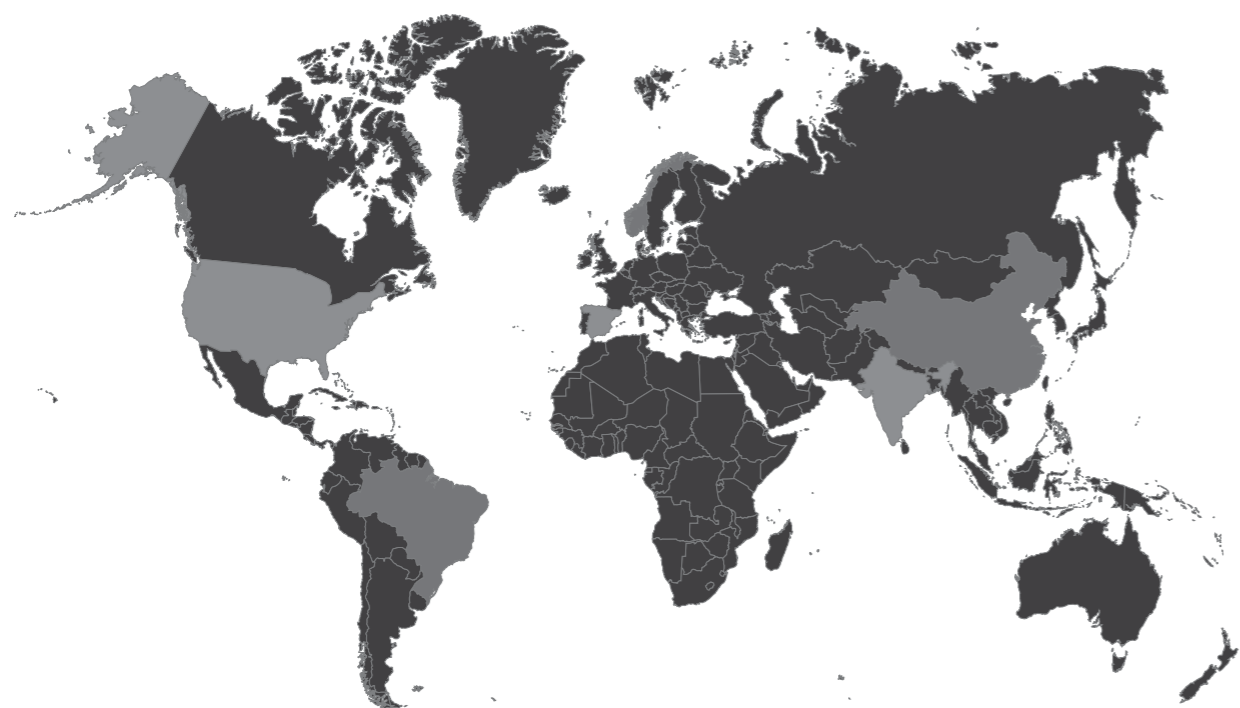
Bảo hiểm bán kèm - Hỗ Trợ Đóng Phí

Bảo vệ Hợp đồng bảo hiểm trước rủi ro Tử vong hoặc Thương tật
toàn bộ vĩnh viễn



TẬP ĐOÀN

Sun Life



ĐƯỢC THÀNH LẬP

1865

TẠI CANADA



PHỤC VỤ

85 Triệu

KHÁCH HÀNG



HOẠT ĐỘNG TẠI

28

THỊ TRƯỜNG

1.168 TỶ ĐÔ LA MỸ

TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN QUẢN LÝ (*)



68.800

NHÂN VIÊN(*)

99.000



TƯ VẤN
TÀI CHÍNH(*)



Giải thưởng

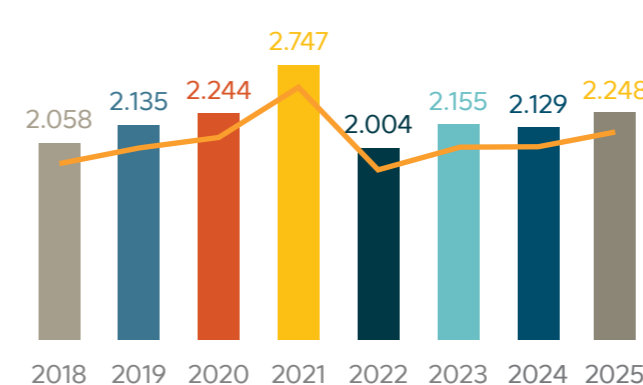
- Top 100 Công ty phát triển bền vững nhất thế giới
- Thương hiệu được tin nhiệm nhất
- Global100 15 năm liên tiếp
- Nơi làm việc tốt nhất

XẾP HẠNG SỨC MẠNH TÀI CHÍNH

Standard & Poor's	Moody's	A.M. Best	DBRS
AA	AA3	A+	AA

LỢI NHUẬN KINH DOANH

Đơn vị: triệu Đô la Mỹ

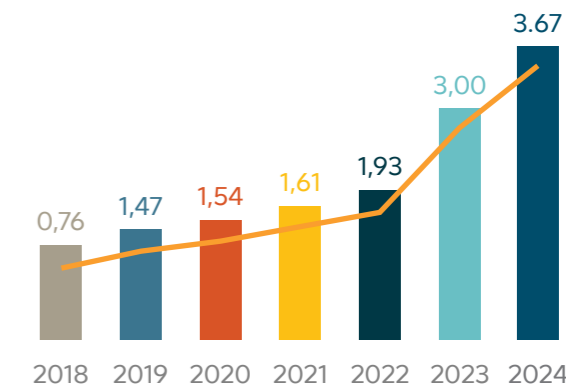


TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TRÊN VỐN

18,2%

CỔ TỨC TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

Đơn vị: Đô la Mỹ



TỶ LỆ TRẢ CỔ TỨC

47%

(*) Số liệu tính đến 31/12/2025

2025 Business Results

SUN LIFE TOÀN CẦU



4,2

TỶ ĐÔ CANADA

Lợi nhuận ròng cơ sở

↑ +9% YoY



1.650

TỶ ĐÔ CANADA

Tài sản quản lý

↑ +4% YoY



7,17

TỶ ĐÔ CANADA

Doanh số bảo hiểm

↑ +25% YoY

SUN LIFE CHÂU Á



836

TRIỆU ĐÔ CANADA

Lợi nhuận ròng cơ sở

↑ +19% YoY



3,2

TỶ ĐÔ CANADA

Doanh số bảo hiểm cá nhân

↑ +32% YoY



10,1

TỶ ĐÔ CANADA

Doanh số quản lý tài sản

↑ +25% YoY



6,7

TỶ ĐÔ CANADA

Lợi nhuận cận biên từ hợp đồng bán mới

↑ +12% YoY

SUN LIFE VIỆT NAM

🏆 Dẫn đầu bảo hiểm Hưu trí Tự nguyện



>70%

thị phần



4.500

TỶ VNĐ

Tổng tài sản Quỹ Hưu trí



>160

TỶ VNĐ

Thu nhập đầu tư được chi trả cho các tài khoản hưu trí



Quỹ được quản lý độc lập dưới sự giám sát của Bộ Tài chính nhằm bảo vệ tối đa quyền lợi khách hàng.



608 TỶ ĐỒNG

Chi trả quyền lợi bảo hiểm năm 2025

↑ +26%

So với 2024

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VỮNG MẠNH



19.358 TỶ VNĐ

Tổng tài sản



18.434 TỶ VNĐ

Vốn điều lệ



TOP 3

Công ty bảo hiểm nhân thọ tại Việt Nam về quy mô vốn



196%

Biên khả năng thanh toán



589 TỶ VNĐ

Lợi nhuận gộp từ hoạt động tài chính